

## BÁO CÁO

### Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cao su Tây Ninh.

#### A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

##### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Công ty cổ phần cao su Tây Ninh triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 trong điều kiện thuận lợi và khó khăn đan xen:

##### Thuận lợi:

- Luôn được sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, sự hỗ trợ tích cực của các ban chuyên môn Tập đoàn, của chính quyền địa phương các cấp và sự đoàn kết của toàn thể CB.CNV-LĐ cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

- Công tác phòng trị bệnh trên vườn cây cao su được quan tâm chỉ đạo sâu sát, thực hiện phun trị bệnh kịp thời, khống chế tình hình bệnh hại lây lan trên diện rộng.

- Công ty được giảm 30% tiền thuê đất năm 2023 theo Quyết định 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 và được gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, tiền thuê đất theo Nghị định 12/2023/NĐ-CP.

- Trong năm 2023, thời tiết tương đối thuận lợi cho công tác thu hoạch mủ, lực lượng lao động được duy trì ổn định, đảm bảo nhân lực trên các phần cây cao, góp phần thuận lợi trong công tác khai thác mủ, hoàn thành và vượt mức kế hoạch sản lượng được Tập đoàn giao.

- Mặc dù giá cao su giảm, nhưng thị trường tiêu thụ cao su tương đối ổn định góp phần doanh thu của Công ty luôn được đảm bảo.

- Được sự tin tưởng của các đơn vị trong ngành về chế biến sản phẩm mủ cao su đạt chất lượng tốt nên Công ty luôn có sản lượng gia công ổn định, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng dây chuyền chế biến.

##### Khó khăn:

- Năm 2023, tiếp tục có những diễn biến khó lường đối với tình hình an ninh, chính trị, nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, chiến sự Nga - Ukraina kéo dài, lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ trong nước thắt chặt đã tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng từ đó kéo theo nguyên vật liệu đầu vào và chi phí tăng làm cho hiệu quả kinh tế trong hoạt động SXKD của Công ty bị ảnh hưởng.

- Tình hình trị trường phân bón biến động theo xu hướng ngày càng tăng, để đảm bảo không vượt giá thành theo quy định, trong nhiều năm liền Công ty thực hiện bón phân cho vườn cây kinh doanh trên vườn cây nhóm 1, 2 và định mức phân bón vô cơ chỉ khoảng 48% so với định mức theo QTKT 2020, dẫn đến chất lượng vườn cây ngày càng có biểu hiện suy kiệt.

- Thực hiện quản lý dự toán đầu tư nông nghiệp gặp nhiều khó khăn khi suất đầu tư nông nghiệp chăm sóc cho vườn cây hiện nay ở mức thấp so với mặt bằng chung về đơn giá tại địa phương trong khi đó chi phí nhân công lao động, phân bón, các vật tư nông nghiệp ngày càng tăng nên làm ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc vườn cây của Công ty.

- Tình hình biến động lao động diễn biến khá phức tạp, cạnh tranh lao động giữa các khu Công nghiệp với ngành cao su ngày càng tăng, từ đó có thể làm thiếu hụt nhân lực cao su, ảnh hưởng đến việc thực hiện khai thác sản lượng của Công ty.

- Giá bán mủ cao su duy trì ở mức thấp khiến lợi nhuận năm 2023 của Công ty giảm từ đó ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người lao động trong toàn Công ty.

Năm 2023, Công ty tiếp tục đối diện với những khó khăn, suy thoái kinh tế trên toàn thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường; thị trường cao su dự báo không ổn định, giá bán mủ cao su giảm. Với những khó khăn và thách thức nêu trên ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động xây dựng các phương án, giải pháp phù hợp để điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh theo chiều hướng ổn định, tăng trưởng bền vững. Bên cạnh đó kế thừa với những thành quả đã đạt được cùng với sự nỗ lực vượt khó của tập thể CBCNV-CLĐ, Công ty tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2023. Cùng với đó là sự đồng hành của Công đoàn và các tổ chức đoàn thể đã phát huy rất tốt vai trò, chức năng và trách nhiệm của mình, chia sẻ, hỗ trợ người lao động, đồng hành cùng Công ty hoàn thành nhiệm vụ chung.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:**

### **1. Công tác sản xuất:**

#### **1.1. Công tác thực hiện quy trình kỹ thuật**

Công tác quản lý quy trình kỹ thuật cao su được duy trì và thực hiện tốt. Trình độ tay nghề công nhân thu hoạch mủ đạt khá giỏi trên 97%.

#### **1.2. Diện tích cao su:**

Tổng diện tích cao su của Công ty CP Cao su Tây Ninh tính đến ngày 31/12/2023 là **7.114,04 ha**, trong đó:

- Diện tích cao su kinh doanh:	4.155,53 ha
- Diện tích chăm sóc KTCB:	2.694,06 ha
- Diện tích tái canh 2023 chuyển 2024:	103,40 ha
- Diện tích chờ thanh lý:	14,08 ha

- Diện tích luân canh trồng mía 146,97 ha: Công ty hợp tác luân canh trồng cây mía tại Nông trường Gò Dầu từ tháng 11/2020 đến nay, dự kiến đến năm 2024 sẽ trồng tái canh cao su.

- Ngoài diện tích trên, Công ty còn quản lý và chăm sóc 1,99 ha vườn nhân và 7,06 ha cây trồng khác (trồng cây sao, dầu, trầm).

### 1.3. Sản lượng khai thác:

Thực hiện sản lượng năm 2023: **8.781,739** tấn, đạt 109,77% so với kế hoạch Tập đoàn giao, cụ thể:

Đơn vị	DT khai thác (ha)	KH năm 2023 (tấn)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tấn/ha)	Tỷ lệ % so với KH
NTGD	710,11130	1.161	1.187,930	1,673	102,32
NTCK	2.144,26223	4.523	4.794,483	2,236	106,00
NTBC	1.301,15780	2.316	2.799,326	2,151	120,87
<b>CỘNG</b>	<b>4.155,53133</b>	<b>8.000</b>	<b>8.781,739</b>	<b>2,113</b>	<b>109,77</b>

### 1.4. Năng suất bình quân:

Năng suất bình quân của vườn cây khai thác năm 2023 đạt 2,11 tấn/ ha.

Diễn biến năng suất bình quân của Công ty từ năm 2013 đến nay như sau:

Nông trường	Năng suất vườn cây qua các năm (kg/ha)										
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
NTGD	2.149	2.279	2.120	1.823	1.875	1.778	1.762	1.549	1.975	2.069	1.673
NTCK	2.278	2.526	2.351	2.088	2.311	2.419	2.515	2.592	2.447	2.403	2.236
NTBC	2.000	2.281	2.157	1.804	2.212	2.017	2.008	1.688	1.891	1.889	2.151
<b>CỘNG</b>	<b>2.140</b>	<b>2.358</b>	<b>2.210</b>	<b>1.918</b>	<b>2.139</b>	<b>2.129</b>	<b>2.178</b>	<b>2.098</b>	<b>2.195</b>	<b>2.193</b>	<b>2.113</b>

### 1.5. Trồng mới tái canh:

- Năm 2023, Công ty gặp khó khăn trong việc bán thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tái canh năm 2023, đến ngày 08/7/2023 mới tổ chức bán đấu giá bán thành công vườn cây này. Do vậy, Công ty không thể thực hiện trồng tái canh đúng thời gian quy định trước ngày 31/7/2023.

- Công ty đã có văn bản trình Tập đoàn CN Cao su Việt Nam về việc chuyển kế hoạch tái canh năm 2023 sang thực hiện tái canh năm 2024 tại tờ trình số 541/TTr-CSTN ngày 14/6/2023 và báo cáo số 764/BC-CSTN ngày 07/9/2023.

### 1.6. Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

- Diện tích vườn cây KTCB: **2.694,06244 ha**, trong đó:

+ NTGD: 1.266,02667 ha.

+ NTCK: 495,92674 ha.

+ NTBC: 932,10903 ha.

- Xếp hạng vườn cây theo kiểm kê ngày 01/01/2024 như sau:

+ Loại K1 (vượt tiêu chuẩn): 52,6%

+ Loại K2 (đạt tiêu chuẩn): 29,4%

+ Loại K3 (chưa đạt tiêu chuẩn): 13,3%

+ Loại K4 (Giống có vỏ mỏng, tiếp tục chăm sóc thêm 01 – 02 năm nhằm đạt độ

dày vỏ để đưa vào mở cạo): 4,8%

- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản được chăm sóc đạt yêu cầu, tỉa chồi ngang, bón phân, quản lý cỏ dại trên hàng, thường xuyên theo dõi phòng trị bệnh kịp thời. Nhìn chung, vườn cây sinh trưởng phát triển tương đối đạt yêu cầu trong tình hình suất đầu tư nông nghiệp không tăng nhưng chi phí vật tư, hóa chất, phân bón, nhiên liệu, đơn giá công lao động tăng cao.

### 1.7. Công tác vườn ương, vườn nhân

Với diện tích trồng tái canh năm 2024 là 452 ha (bao gồm diện tích 103 ha chuyển từ năm 2023 sang tái canh năm 2024), Công ty hiện đang chuẩn bị cây giống bầu tăng lá với số lượng 289.034 cây (bao gồm trồng mới và trồng dặm) để phục vụ cho công tác trong tái canh trong năm 2024 đảm bảo kịp thời vụ.

### 1.8. Công tác bón phân:

- Năm 2023, thực hiện theo công văn số 786/CSVN-KHĐT ngày 06/4/2023 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam, Công ty đã thực hiện mua sắm phân bón và lên kế hoạch cho từng đối tượng vườn cây cao su tuân thủ QTKT 2020; Khối lượng phân bón đã sử dụng trong năm 2023 cụ thể như sau:

TT	Tên phân bón	Số lượng sử dụng (tấn)		
		KTCB	Kinh doanh	Cộng
1	Phân NPK 16-16-8	340,980		<b>340,980</b>
2	Phân NPK 16-8-16		592,006	<b>592,006</b>
3	Phân Hữu cơ vi sinh		789,341	<b>789,341</b>

- Phương pháp bón: Trong năm 2023, Công ty áp dụng 02 phương pháp bón, gồm: thủ công và cơ giới, cụ thể:

TT	Loại vườn cây	Diện tích bón phân (ha)	Trong đó:	
			Thủ công (ha)	Cơ giới (ha)
1	KTCB	2.694,06244	1.170,51185	1.523,55059
2	Kinh doanh	3.946,71192	41,01671	3.905,69521
<b>Cộng</b>		<b>6.640,77436</b>	<b>1.211,52856</b>	<b>5.429,24580</b>

### 1.9. Công tác phòng trị bệnh:

**1.9.1. Bệnh phấn trắng:** Năm 2023, Công ty CP Cao su Tây Ninh thực hiện công tác phun thuốc phòng bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su kinh doanh với diện tích là: 3.936,05044 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 94,7% tổng diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty. Diện tích phun chủ yếu là trên vườn cây nhóm I, nhóm II, vườn cây có năng suất cao, thời gian phun từ 06/01/2023 đến 22/02/2023.

- Công thức phun: Lần 1: Hexin 0,2% + Bám dính 0,2%;

Lần 2: Hexin 0,2% + Bám dính 0,2% + Komix Rb 0,3%.

- Lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng phun phòng trị bệnh phấn trắng năm 2023 trên vườn cây là: Hexin: 7.872 lít; Bám dính: 7.872 lít; Komix Rb: 5.904 lít.

- Đánh giá công tác phun phòng trị bệnh phấn trắng năm 2023: Nhìn chung, công tác thực hiện phun phấn trắng trên vườn cây năm 2023 đạt kết quả cao, vườn cây được phun thuốc phát triển xanh tốt, mật độ tán lá cao ( $\geq 85\%$ ).

**1.9.2. Bệnh nấm hồng:** Từ tháng 6/2023 xuất hiện bệnh nấm hồng trên vườn cây năm 2014-2019. Công ty đã tiến hành kiểm kê đánh dấu và phun trị bệnh nấm hồng với công thức thuốc: Vivadamy 1,5% + Bám dính 1% với diện tích 1.321,84920 ha.

**1.9.3. Bệnh rụng lá đốm tròn (RLĐT):** Trong năm có 2 đợt xuất hiện bệnh:

- Trong tháng 6/2023 phát hiện triệu chứng của bệnh rụng lá đốm tròn trên 23,79806 ha vườn cây cao su kinh doanh (*lô L12, năm trồng 2013 tại NT Cao su Bến Củi*). Công ty đã tiến hành phun thuốc Hexin 5SC nồng độ 0,4% + bám dính nồng độ 0,2%, thực hiện phun 2 lần cách nhau 8 – 10 ngày, công tác thực hiện phun trị bệnh đạt kết quả cao.

- Trong tháng 10/2023, xuất hiện bệnh rụng lá đốm tròn trên một số diện tích vườn cây kinh doanh và KTCB ở mức độ rất nhẹ đến nhẹ, Bộ môn BVTV (Viện) khuyến cáo tiếp tục theo dõi diễn biến bệnh trên vườn cây, đến nay hầu như bệnh không lây lan, không tăng mức độ bệnh.

**1.9.4. Bệnh loét sọc mặt cạo:** Thường xuyên kiểm tra và bồi phòng trị bệnh loét sọc mặt cạo trên vườn cây cao su kinh doanh, định mức: 650 cây/kg.

#### 1.10. Thu mua – chế biến

Đến 31/12/2023, tổng sản lượng cao su chế biến đạt **15.416,804 tấn**, trong đó: mủ khai thác là **8.781,730 tấn**, mủ gia công là **5.229,019 tấn**, mủ thu mua là **1.406,055 tấn**.

#### 1.11. Công tác quản lý chất lượng

+ **Công tác kiểm nghiệm cao su:** Thành phẩm cao su ly tâm sản xuất trong năm 2023 nhìn chung khá tốt, đa phần đạt yêu cầu TCVN 6314:2013 & TCCS 114:2020 (VRG), chỉ số VFA dao động chủ yếu trong khoảng ( 0,012-0,040 đơn vị).

#### Bảng so sánh thành phẩm thành phẩm đạt TCCS 112:2017 (VRG) giữa 2 năm 2022 & 2023

Chủng loại	% Đạt VRG năm 2022	% Đạt VRG năm 2023
SVR 10	100,00	100,00
SVR 3L	100,00	99,29
SVRCV60	93,81	90,08
Ly tâm	97,90	94,62

+ **Công tác quản lý phòng kiểm nghiệm:** Cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác kiểm nghiệm được trang bị khá đầy đủ và kiểm tra theo định kỳ để phát hiện kịp thời những điểm không phù hợp, khắc phục nhanh chóng không để ảnh hưởng đến kết quả kiểm nghiệm.

+ **Công tác kiểm nghiệm nước thải:** Nước thải tại NM Hiệp Thạnh và NM Bến Củi luôn được xử lý tốt, đạt yêu cầu theo giới hạn qui định tại QCVN 01-MT:2015 BTNMT.

+ **Về Cải tiến:** Hưởng ứng chương trình cải tiến Kaizen của Công ty, trong công tác quản lý chất lượng đã xây dựng được 3 sáng kiến cải tiến, nhằm tiết kiệm vật tư, hóa chất, nhân lực, điện nước...

**2. Công tác kinh doanh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ %
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>				
<b>1. Sản lượng khai thác vườn cây</b>	<b>Tấn</b>	<b>8.000</b>	<b>8.781,74</b>	<b>109,77</b>
<b>2. Năng suất</b>	<b>Tấn/ha</b>	<b>1,92</b>	<b>2,11</b>	<b>109,90</b>
<b>3. Sản lượng chế biến</b>	<b>Tấn</b>	<b>9.600,00</b>	<b>15.416,80</b>	<b>160,59</b>
+ Mủ khai thác:	Tấn	8.000,00	8.781,73	109,77
+ Mủ thu mua:	Tấn	600,00	1.406,06	234,34
+ Mủ gia công:	Tấn	1.000,00	5.229,02	522,90
<b>4. Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>			
- Sản lượng tồn kho đầu năm	Tấn	1.317,67	1.416,93	107,53
- Sản lượng tiêu thụ trong năm	Tấn	8.600,00	10.629,88	123,60
+ Xuất khẩu:	Tấn	872,48	1.047,60	120,07
+ Nội tiêu:	Tấn	7.727,52	9.582,28	124,00
- Sản lượng tồn kho cuối năm	Tấn	1.317,67	974,84	73,98
<b>II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>				
<b>1. Giá thành tiêu thụ BQ (KT+TM)</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>31,47</b>	<b>29,46</b>	<b>93,61</b>
- Giá thành khai thác	Tr.đồng/tấn	30,99	29,08	93,82
- Giá thành thu mua	Tr.đồng/tấn	37,80	32,01	84,67
<b>2. Giá bán bình quân (KT+TM)</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>38,00</b>	<b>32,73</b>	<b>86,13</b>
- Giá bán khai thác	Tr.đồng/tấn	38,00	32,81	86,34
- Giá bán thu mua	Tr.đồng/tấn	38,00	32,21	84,77
<b>3. Tổng doanh thu hợp nhất</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>-</b>	<b>601,05</b>	<b>-</b>
<b>4. Tổng lợi nhuận Công ty mẹ</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86,66	68,68	79,24
- Lợi nhuận sau thuế	//	75,56	61,84	81,84
<b>5. Tổng lợi nhuận Hợp nhất</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	74,42	-
- Lợi nhuận sau thuế	//	-	67,59	-
<b>6. Phải nộp Ngân sách nhà nước</b>	<b>//</b>	<b>54,90</b>	<b>45,15</b>	<b>82,25</b>
<b>7. Tỷ suất LNST hợp nhất</b>				
- Trên tổng doanh thu	%	-	11,25	-
- Trên tổng tài sản (ROA)	%	-	3,39	-
- Trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	4,09	-

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ %
8. Tỷ lệ chia cổ tức	%/Mệnh giá	7,5	9	120
9. Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	230,68	23,64	10,25

### 3. Công tác tài chính:

- Cân đối nguồn và vốn phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản, thực hiện dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia và chi trả các chế độ cho người lao động.

- Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành.
- Đảm bảo chi lương, thưởng, các chế độ chính sách cho người lao động kịp thời.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời.
- Thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định.
- Lập và nộp BCTC, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và Tập đoàn.

### 4. Công tác đầu tư trong và ngoài nước:

#### 4.1. Dự án Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:

##### \* Tình hình thực hiện vốn đầu tư:

Trong năm 2023, Công ty mẹ không góp thêm vốn đầu tư vào Dự án Tây Ninh Siêm Riệp. Lũy kế thực hiện vốn đến 31/12/2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 31/12/2023	
		1.000 USD	Tr. đồng
<b>I</b>	<b>Thực hiện vốn đầu tư</b>	<b>56.607</b>	<b>1.262.974</b>
1	Vốn góp Công ty mẹ	44.792	968.840
2	Vốn vay tại SHB.CPC	11.815	288.522
	Trong đó:		
	- Đã trả	3.234	78.981
	- Còn phải trả	8.581	209.541

**(Ghi chú:** Vốn vay quy đổi theo tỷ giá: 24.420 đồng/USD theo BCTC năm 2023 của Công ty TNSR).

##### \* Tình hình trồng và chăm sóc vườn cây:

Diện tích đất tự nhiên: 7.031,17 ha

Diện vườn cây cao su: 6.410,51 ha

Trong đó:

- Diện tích cao su đã đưa vào khai thác: 5.218,85 ha

- Diện tích cao su KTCB: 1.191,66 ha

##### \* Tình hình sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>				
1	Diện tích khai thác	Ha	5.218,85	5.218,85	100,00
2	Sản lượng khai thác	Tấn	4.500	6.474,76	143,88
3	Năng suất	Tấn/ha	0,86	1,24	143,76
4	Sản lượng chế biến	Tấn	4.650,73	6.409,55	137,82
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	4.650,73	6.376,09	137,10
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>				
1	Giá bán	Tr.đ/tấn	36,00	30,83	85,63
2	Giá thành tiêu thụ	Tr.đ/tấn	35,99	26,64	74,02
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	167.426,1	196.891,87	117,60
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-20.212,24	12.414,12	261,42
	<i>Trong đó:</i>				
	- SXKD cao su	Tr.đồng	59,16	26.698,86	45.129,9
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	-20.271,40	-14.031,05	130,78
	- Hoạt động khác	Tr.đồng	-	-253,69	-

#### 4.2. Một số Dự án đầu tư góp vốn khác:

\* **Công ty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh:** Công ty đã đăng ký và góp đủ 24,5 tỷ đồng (49%/VĐL). Trong năm 2023, Công ty được chia cổ tức năm 2022 là 0,735 tỷ đồng(3%/VĐL), lũy kế cổ tức được chia đến 31/12/2023 là 26,57 tỷ đồng.

\* **Công ty CP Cao su Việt Lào:** Công ty đã đăng ký và góp đủ 77,5 tỷ đồng (10%/VĐL). Trong năm 2023, Công ty được chia cổ tức năm 2022 là 11,04 tỷ đồng (14,24%/VĐL) và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 là 3,51 tỷ đồng (4,54%/VĐL), lũy kế cổ tức được chia đến 31/12/2023 là 41 tỷ đồng.

\* **Công ty CP PT Đô thị & KCN Cao su Việt Nam:** tính đến nay số tiền đã góp của Công ty tại dự án này là 17,66 tỷ đồng. Trong năm 2023, Công ty được chia cổ tức năm 2022 là 3,18 tỷ đồng(18%/VĐL), lũy kế cổ tức được chia đến 31/12/2023 là 6,43 tỷ đồng.

#### 4.3. Tổng vốn góp đầu tư vào các Dự án:

Đến 31/12/2023, Công ty đã tham gia góp vốn đầu tư vào 06 Dự án, với tổng số tiền 1.134,11 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

STT	Đơn vị	Lũy kế đến 31/12/2023
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>968,84</b>
1	Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp PTCS	968,84
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>24,50</b>



STT	Đơn vị	Luỹ kế đến 31/12/2023
1	Công ty CP CB & XNK Gỗ Tây Ninh	24,50
<b>III</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>140,77</b>
1	Công ty CP CS Dầu Tiếng-Lào Cai	36,95
2	Công ty CP TMDV & DL Cao su	8,66
3	Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN	17,66
4	Công ty CP Cao su Việt Lào	77,50
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.134,11</b>

### 5. Công tác xây dựng cơ bản:

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch XDCB năm 2023 đạt **10,2%**. (Giá trị kế hoạch là **230.681,48 triệu đồng**; thực hiện đến 31/12/2023 là **23.642,69 triệu đồng**).

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)
	<b>TỔNG NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>230.681,48</b>	<b>23.642,69</b>	<b>10,2</b>
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư XDCB trong năm</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>24.998,00</b>	<b>18.540,93</b>	<b>74,2</b>
	- Tổng xây lắp	Triệu đồng	15.724,02	10.279,26	65,4
	- Tổng thiết bị	Triệu đồng	1.420,00	615,77	43,4
	- Tổng KTCB khác	Triệu đồng	7.853,98	7.645,90	97,4
<b>2</b>	<b>Thanh toán vốn thiếu năm trước</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>5.496,00</b>	<b>839,00</b>	<b>15,3</b>
<b>3</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>200.187,48</b>	<b>4.262,76</b>	<b>2,1</b>
	- Góp vốn đầu tư vào Cty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS	Triệu đồng	200.187,48	4.262,76	2,1

### III. ĐÁNH GIÁ:

Trong bối cảnh thị trường đặt ra nhiều thách thức cũng như cơ hội đan xen, giá bán cao su giảm, chi phí đầu vào của nguyên vật liệu ngày càng tăng Công ty xác định việc phát triển theo hướng bền vững cùng với xây dựng thương hiệu, cũng như nâng cao giá trị sản phẩm đây cũng là nhiệm vụ chính cho sự phát triển trong thời gian tới.

Trong giai đoạn kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, xung đột về chính trị, kinh tế, cấm vận kinh tế giữa các nước phát triển ngày càng phức tạp từ đó kéo theo lạm phát tăng cao, chi phí nguyên vật liệu ngày càng tăng, chính sách tiền tệ trong nước ngày càng thắt chặt, việc tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, giá bán mủ cao su giảm... dẫn đến những khó khăn nhất định trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với sự chủ động dự đoán diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế hiện nay; Ban điều hành, Hội đồng Quản trị của Công ty đã đề ra những giải pháp đúng đắn, kịp thời linh hoạt trong sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành đến mức thấp nhất nhưng mang lại hiệu quả cao nhất. Góp phần hoàn thành được doanh thu, ổn định được thu nhập, nguồn lao động, chăm lo đời sống cho người lao động ngày một tốt hơn.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh thực hiện kế hoạch sản xuất

kinh doanh với những thuận lợi và khó khăn đan xen, nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực của toàn thể CB.CNV-LĐ Công ty, sự lãnh đạo quyết liệt của Ban điều hành, Hội đồng quản trị và sự chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn góp phần cho Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024:**

### **1. Một số chỉ tiêu kế hoạch 2024 của Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch 2024</b>
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
<b>1-Diện tích cao su</b>		<b>7.093,62</b>
- Diện tích khai thác:	ha	4.454,38
<i>Trong đó, Cạo mới</i>	<i>ha</i>	<i>507,67</i>
- Diện tích chăm sóc KTCB:	ha	2.186,39
- Diện tích tái canh:	ha	452,85
- Diện tích chờ thanh lý:	ha	14,08
<b>2- Diện tích cao su thanh lý trong kỳ:</b>	<b>ha</b>	<b>208,82</b>
<b>3- Năng suất:</b>	<b>tấn/ha</b>	<b>2,00</b>
<b>4- Sản lượng khai thác:</b>	<b>tấn</b>	<b>8.900,00</b>
<b>5- Sản lượng chế biến:</b>	<b>tấn</b>	<b>10.500,00</b>
<b>6- Sản lượng tiêu thụ:</b>	<b>tấn</b>	<b>9.500,00</b>
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
<b>1- Giá thành tiêu thụ bình quân:</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>30,80</b>
<b>2- Giá bán bình quân:</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>36,20</b>
<b>3- Tổng doanh thu:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>400.768,46</b>
- Sản xuất kinh doanh cao su:	Tr.đồng	343.900,00
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>322.180,00</i>
<i>Doanh thu cao su thu mua</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>21.720,00</i>
- Gia công chế biến cao su:	Tr.đồng	2.500,00
- Hoạt động kinh doanh khác:	Tr.đồng	18.600,00
- Hoạt động tài chính:	Tr.đồng	8.106,50
- Hoạt động khác:	Tr.đồng	27.661,96
<i>Trong đó: Doanh thu cao su thanh lý</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>27.389,57</i>
<b>4- Tổng chi phí:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>319.305,92</b>
- Sản xuất kinh doanh cao su:	Tr.đồng	295.720,00
<i>Trong đó: Chi phí cao su khai thác</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>274.120,00</i>
<i>Chi phí cao su thu mua</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>21.600,00</i>

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
-Gia công chế biến cao su:	Tr.đồng	2.450,00
-Hoạt động kinh doanh khác:	Tr.đồng	18.533,00
-Hoạt động tài chính:	Tr.đồng	-
-Hoạt động khác:	Tr.đồng	2.602,92
<b>5- Tổng Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>81.462,54</b>
<i>Trong đó: LNTT cao su khai thác</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>48.060,00</i>
<i>LNTT cao su thu mua</i>		<i>120,00</i>
<b>6- Thuế TNDN phải nộp:</b>		<b>10.919,77</b>
<b>7- Tổng Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>70.542,77</b>
<b>8- Tỷ lệ chia cổ tức:</b>	<b>%</b>	<b>10,00</b>
<b>9- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu:</b>	<b>%</b>	<b>20,33</b>
<b>10- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn đầu tư:</b>	<b>%</b>	<b>5,34</b>
<b>11- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ báo cáo:</b>	<b>%</b>	<b>27,15</b>
<b>12- Các khoản phải nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>55.587,77</b>
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ:</b>		
<b>1-Tổng nhu cầu vốn đầu tư:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>332.229,74</b>
1.1 Đầu tư XDCB:	Tr.đồng	37.434,25
- Xây lắp	Tr.đồng	23.606,12
- Thiết bị	Tr.đồng	3.150,00
- KTCB khác	Tr.đồng	10.678,13
1.2 Thanh toán vốn thiếu các năm trước	Tr.đồng	4.850,00
1.3 Đầu tư góp vốn công ty con	Tr.đồng	289.945,49
Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS	Tr.đồng	289.945,49
- Góp vốn lũy kế đầu năm	Tr.đồng	289.945,49
- Góp vốn năm nay	Tr.đồng	-
<b>2-Nguồn vốn:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>332.229,74</b>
- Khấu hao TSCĐ (Vốn CSH)	Tr.đồng	21.243,18
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	Tr.đồng	2.516,87
- Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đồng	308.469,69
<b>IV. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP:</b>		
1- Lao động bình quân trong kỳ	Người	1.617
2- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/thg	10,410

## 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 của Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
<b>I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
<b>1- Diện tích cao su</b>		<b>6.410,51</b>
- Diện tích khai thác:	ha	5.512,12
- Diện tích chăm sóc KTCB:	ha	898,39
<b>2- Năng suất:</b>	<b>tấn/ha</b>	<b>1,36</b>
<b>3- Sản lượng khai thác:</b>	<b>tấn</b>	<b>7.500,00</b>
<b>4- Sản lượng chế biến:</b>	<b>tấn</b>	<b>7.500,00</b>
+ Mủ khai thác:	tấn	7.500,00
<b>5- Sản lượng tiêu thụ:</b>	<b>tấn</b>	
- Sản lượng tồn kho đầu năm	tấn	4,97
- Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	7.504,97
Trong đó: Thu mua	tấn	-
+ Xuất khẩu:	tấn	6.504,97
+ Nội tiêu:	tấn	1.000,00
- Sản lượng tồn kho cuối năm	tấn	-
<b>II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		
<b>1- Giá thành tiêu thụ bình quân:</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>30,80</b>
<b>2- Giá bán bình quân:</b>	<b>Tr.đồng/tấn</b>	<b>34,20</b>
<b>3- Tổng doanh thu:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>256.669,98</b>
- Sản xuất kinh doanh cao su	Tr.đồng	256.669,98
<b>4- Tổng chi phí:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>246.288,81</b>
<b>5- Tổng Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.381,17</b>
- Lợi nhuận cao su tự khai thác:	Tr.đồng	25.516,90
- Lợi nhuận hoạt động tài chính:	Tr.đồng	-15.135,73
<b>6- Tổng Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.381,17</b>
<b>7- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu:</b>	<b>%</b>	<b>4,04</b>
<b>8- Các khoản phải nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>6.810,90</b>
<b>III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ:</b>		
<b>1- Tổng nhu cầu vốn đầu tư:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>341.006,74</b>
1.1 Đầu tư XDCB:	Tr.đồng	101.366,68
- Xây lắp	Tr.đồng	2.610,83
- Thiết bị	Tr.đồng	-

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch 2024</b>
- KTCB khác	Tr.đồng	96.944,23
- Trả lãi vay ngân hàng	Tr.đồng	1.811,62
1.2 Vốn đầu tư XD/CB năm trước chuyển sang	Tr.đồng	199.519,15
1.3 Trả nợ gốc vay tín dụng	Tr.đồng	40.120,90
<b>2-Nguồn vốn:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>341.006,74</b>
- Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	43.137,46
- Vốn điều lệ hiện có	Tr.đồng	289.945,49
- Vốn vay tín dụng và vốn khác	Tr.đồng	7.923,79
<b>IV. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP:</b>		
1- Lao động bình quân trong kỳ	Người	1.407
2- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/thg	5,85

### **3. Giải pháp thực hiện:**

Phát huy những thành tích đạt được đồng thời dự kiến những khó khăn thách thức sắp tới, Công ty CP Cao su Tây Ninh có định hướng thực hiện cho năm 2024 như sau:

- Khai thác và quản lý tốt 4.454,38 ha cao su kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2024 Tập đoàn giao là 8.900 tấn, năng suất vườn cây được duy trì ổn định.

- Thực hiện bón phân vườn cây cao su kinh doanh, chủ yếu trên vườn cây nhóm I, nhóm II, với lượng phân bón NPK 16-8-16 khoảng 60% so với định mức theo QTKT 2020 và kết hợp với phân bón hữu cơ vi sinh góp phần tăng độ mùn, duy trì dinh dưỡng trong đất giúp cây phục hồi, tái tạo mù trong thời gian khai thác.

- Thực hiện phun phòng bệnh phấn trắng trong mùa thay lá năm 2024 trên vườn cây kinh doanh với diện tích 4.223 ha. Trong năm, tiếp tục theo dõi các loại bệnh hại khác để kịp thời phun trị, hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây.

- Tiếp tục phối hợp với Bộ môn BVTV, SLKT (Viện nghiên cứu Cao su) tư vấn công tác liên quan đến công tác BVTV trên vườn cây và công tác kỹ thuật khai thác mù nhằm tăng hiệu quả hơn.

- Thực hiện quy hoạch vỏ cạo sớm, phân bổ kế hoạch sản lượng phù hợp với năng lực vườn cây và phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị, các Nông trường chủ động tổ chức sắp xếp cho mùa cạo mới. Có biện pháp cụ thể quyết tâm thực hiện kế hoạch sản lượng cao nhất ngay từ những ngày đầu năm 2024.

- Chăm sóc tốt 2.186,39 ha vườn cây KTCB, tiếp tục phát huy sử dụng cơ giới vào việc chăm sóc vườn cây.

- Về giống cao su, tiếp tục nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm, xây dựng cơ cấu giống phù hợp với từng vùng đất, nhằm để vườn cây sinh trưởng ổn định và đồng đều. Chuẩn bị tốt nguồn cây giống đảm bảo số lượng và chất lượng để trồng tái canh 2024.

- Công ty tiếp tục thực hiện và duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC, chứng nhận CoC về quản lý rừng bền vững.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 & 14001: 2015, ISO/IEC 17025:2017, chương trình sản xuất tinh gọn Lean.

- Phân đấu đạt tỉ lệ sản phẩm chế biến theo tiêu chuẩn VRG.

- Thực hiện cải tiến thường xuyên, đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành; chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su...

- Về chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, nâng cao chất lượng cao su sơ chế, đáp ứng các thị trường yêu cầu chất lượng cao.

- Thường xuyên quan tâm đến đời sống người lao động, giúp cải thiện nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần để có thể giữ chân người lao động.

- Định hướng sản xuất các sản phẩm được thị trường ưa chuộng và có giá trị lợi nhuận cao.

- Cập nhật, theo dõi thường xuyên diễn biến thị trường tiêu thụ mủ cao su để có chiến lược tiêu thụ sản phẩm phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao.

**\* Đối với Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS**

- Khai thác và quản lý tốt 5.512,12 ha cao su kinh doanh, phân đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2024 Tập đoàn giao là 7.500 tấn.

- Chăm sóc 898,39 ha vườn cây KTCB sinh trưởng và phát triển tốt.

- Ổn định được nguồn lao động khai thác tại công ty nhằm khai thác tốt năng suất của vườn cây.

- Tập thể CB-CNV Công ty cùng nhau đoàn kết, phân đấu để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.

- Nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Chủ động nắm bắt các chính sách của Chính phủ Campuchia liên quan đến hoạt động của Công ty để tổ chức sản xuất phù hợp.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Tây Ninh.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐTN 2024;

- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hồng Thái**